TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG THUỶ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST
Ngày 23-11-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THUỶ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Xuân Huế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Trình
2. Bà Cái Thị Duyên.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Đình Tứ - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Hương Thuỷ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại hội trường Toà án nhân dân thị xã Hương Thuỷ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2018/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 6 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 7, phường P, thị xã H, tỉnh T. Có mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1984, địa chỉ: Tổ 7, phường P, thị xã H, tỉnh T. Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 25 tháng 04 năm 2018 và lời khai trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc P trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn anh Phạm Văn T sau thời gian yêu thương nhau thì đã đăng ký kết hôn vào ngày 25/3/2011 tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh T. Sau khi kết hôn một thời gian, đến năm 2012 vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu bia, đôi lúc có đánh chị P, khiến vợ chồng thường xuyên cải vã, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Năm 2016 chị P đã nộp đơn yêu cầu được ly hôn anh T tại Tòa án. Sau khi được Tòa án hòa giải chị P đã rút đơn khởi kiện để đoàn tụ vợ chồng và Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy đã ban hành Quyết định đình chỉ số 13/2016/QĐST-HNGĐ ngày 25/8/2016. Sau khi trở

về chung sống lại với nhau, anh T cũng không có sự thay đổi, hay uống rượu và có triệu chứng nghiện rượu, chị P đã khuyên can nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi nên vợ chồng hay cải vả nhau. Nay chị P không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Chị P và anh T có 01 con chung là Phạm Nguyễn Minh T, sinh ngày 15/8/2010. Chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành, yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ về tài sản: Chị P trình bày không có nợ nên không yêu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/10/2018, bị đơn là anh Phạm Văn T trình bày:

Về quá trình kết hôn như chị P trình bày. Quá trình chung sống với nhau giữa anh T và chị P thường xuyên cãi vả, xúc phạm lẫn nhau. Anh T vẫn muốn vợ chồng cùng nhau nuôi dưỡng con và xây dựng gia đình, tuy nhiên chị P cương quyết ly hôn nên anh T cũng đồng ý yêu cầu ly hôn của chị P.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Anh T đồng ý giao cháu Phạm Nguyễn Minh T, sinh ngày 15/8/2010 cho chị P được trực tiếp nuôi cho đến tuổi trưởng thành, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Anh T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ về tài sản: Anh T trình bày không có nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tại phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn, chưa chấp hành nghiêm chỉnh giấy triệu tập, thông báo của Tòa án, vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc P. Chị Nguyễn Thị Ngọc P được ly hôn với anh Phạm Văn T. Giao người con chung là Phạm Nguyễn Minh T, sinh ngày 15/8/2010 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh T có nghĩa phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng. Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy đã tiến hành các thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng để triệu tập anh Phạm Văn T đến phiên tòa như:

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập theo đúng quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh Phạm Văn T vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đang. Do đó, Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Phạm Văn T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc P và anh Phạm Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn do anh T thường xuyên uống rượu nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống hay cãi vã lẫn nhau. Nay chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T, anh T cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh T đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc P.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Chị P và anh T có một người con chung tên Phạm Nguyễn Minh T, sinh ngày 15/8/2010, hiện nay cháu T đang ở cùng chị P và anh T. Anh T đồng ý giao con cho chị P nuôi dưỡng sau khi ly hôn cho đến khi cháu T đủ tuổi trưởng thành, cháu T cũng có nguyện vọng sống với chị P. Do đó, cần giao cháu Phạm Nguyễn Minh T cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Anh T cũng đồng ý mức cấp dưỡng nuôi cháu T số tiền 2.000.000đ/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy mức cấp dưỡng phù hợp với khả năng kinh tế của anh T. Do đó cần buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Thư 2.000.000/tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc P phải chịu án phí ly hôn, anh Phạm Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc P được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Phạm Nguyễn Minh T, sinh ngày 15/8/2010 cho chị Nguyễn Thị Ngọc P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Anh Phạm Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Nguyễn Minh T số tiền 2.000.000đ/tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi cháu Phạm Nguyễn Minh T đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Anh Phạm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị Nguyễn Thị Ngọc P có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Phạm Văn T không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền nói trên thì phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3.Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc P phải chịu 300.000đ án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2013/000479 ngày 08/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy.

Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đã ký

Phan Thị Xuân Huế

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TX. Hương Thủy;
- THADS TX. Hương Thủy;
- UBND xã Phú Lương, huyện Phú Vang, TT Huế
- Các đương sự.
- Lưu